

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT BAO BÌ MIỀN BẮC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT BAO BÌ MIỀN BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTHERN PACKAGING PRODUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NOP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109321594

3. Ngày thành lập: 25/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, Tòa nhà văn phòng Nam Đô Complex, Số 609 Trương Định, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0843526789

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
2.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
3.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
4.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702(Chính)
5.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
6.	In ấn	1811
7.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
8.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
9.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
12.	Xây dựng nhà để ở	4101
13.	Xây dựng nhà không để ở	4102
14.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình điện	4221
17.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
18.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292

21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
23.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Hoạt động kiến trúc: (Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; Giám sát thi công xây dựng cơ bản; Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan)	4329
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốt pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốt pha, giàn giáo, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Chống ẩm các toà nhà	4390
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Quảng cáo	7310
29.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
30.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
31.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
32.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa	4610
33.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
34.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
35.	Bán buôn thực phẩm	4632
36.	Bán buôn đồ uống	4633
37.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu.	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663

47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn sợi dệt...; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị. - Bán buôn bao bì carton.	4669
48.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
49.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
51.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
52.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
53.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
54.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
55.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
56.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
57.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
58.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
59.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
60.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
61.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
62.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

64.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ dầu hoả, bình gas, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, khăn lau. - Bán lẻ hàng lưu niệm.	4773
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
67.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
68.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
69.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
70.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ.	4784
71.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, vật phẩm vệ sinh; - Bán lẻ thảm treo tường, thảm trải sàn, đệm, chăn, màn; - Bán lẻ trò chơi và đồ chơi; - Bán lẻ thiết bị, đồ dùng gia đình, hàng điện tử tiêu dùng; - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng.	4789
72.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.	4791
73.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
74.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

75.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
76.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
77.	Xuất bản phần mềm	5820
78.	Lập trình máy vi tính	6201
79.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
80.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
81.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
82.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ khác (Tư vấn chuyển giao công nghệ).	7490
83.	Cho thuê xe có động cơ	7710
84.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
85.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
86.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
87.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
88.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
89.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
90.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
91.	Dịch vụ đóng gói	8292
92.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
93.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
94.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
95.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
96.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
97.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
98.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
99.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
100.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
101.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
102.	Tái chế phế liệu	3830
103.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299

6. **Vốn điều lệ:** 2.900.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 290.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VIỆT HÙNG	Tổ 10, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	104.400	1.044.000.000	36,000	017456533	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	104.400	1.044.000.000	36,000		
2	NGUYỄN QUANG HÒA	Số 11 – TT4.1 KĐT Ao Sào, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	92.800	928.000.000	32,000	038078010243	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	92.800	928.000.000	32,000		

3	NGUYỄN VĂN VÂN	P509 - TT 435A đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	92.800	928.000.000	32,000	013250987
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	92.800	928.000.000	32,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VIỆT HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017456533

Ngày cấp: 23/03/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 10, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tổ 10, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội